TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH HƯNG YÊN** ---***--- Số: 73/2023/QĐST - HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc ---------- *K, ngày 05 tháng 5 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 89/2023/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa:

***/ Nguyên đơn*: Chị Nguyễn H T**, sinh năm 1997;

Đăng ký HKTT: thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Hiện trú tại: thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

/ Bị đơn: **Anh Giang Văn H1**, sinh năm 1990;

Đăng ký HKTT và trú tại: thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Cháu Giang Văn P**, sinh ngày 03/8/2016;
- **Cháu Giang Văn Đ**, sinh ngày 26/6/2019.

Đều đăng ký HKTT và trú tại: thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Giám hộ cho cháu P và cháu Đ là anh Giang Văn H1 và chị Nguyễn H T – Bố mẹ đẻ của các cháu.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2014; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 27/4/2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27/4/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn H T và anh Giang Văn H1.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

****/ Về con chung:*** Giao cháu Giang Văn P, sinh ngày 03/8/2016 và cháu Giang Văn Đ, sinh ngày 26/6/2019 cho anh Giang Văn H1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu P và cháu Đ trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị T và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị T được quyền thăm nom con chung của mình theo quy định của pháp luật.

****/ Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:*** Chị T và anh H1 khẳng định không có gì liên quan nên không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

****/ Về án phí:*** Chị Nguyễn H T tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí LHST. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0008199 ngày 04/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, nên chị T được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh HY;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã B;*
- *VKSND huyện;*
- *Chi cục THADS huyện KC;*
- *Lưu HS.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu H2